**Sở GD & ĐT TPHCM**

**TRƯỜNG: THPT LÊ THÁNH TÔN**

**TỔ: NGỮ VĂN**

**GIỚI HẠN KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II – KHỐI 11**

**Thời gian làm bài 90 phút (Theo cấu trúc của Bộ)**

**Ngày kiểm tra: 21/03/ 2022**

**A. GIỚI HẠN ÔN TẬP:**

**I/ Đọc- hiểu:** *(3.0 điểm)*

- Phong cách ngôn ngữ.

- Phương thức biểu đạt.

- Biện pháp tu từ, nghệ thuật.

- Câu hỏi mở (cấp độ tư duy: nhận biết, thông hiểu, vận dụng).

**II/ Làm Văn:** *(7.0 điểm)*

*- Câu 1. (2.0 điểm)* Viết đoạn văn NLXH (dung lượng 200 chữ + nội dung gợi từ phần đọc hiểu)

*- Câu 2. (5.0 điểm)* Viết bài nghị luận văn học: 03 văn bản.

**+** Vội Vàng – Xuân Diệu (Đoạn 1: “Tôi muốn…hoài xuân”; Đoạn 2: “Mau đi thôi…cắn vào ngươi”).

**+** Tràng Giang – Huy Cận.

**B. ĐỀ CƯƠNG THAM KHẢO:**

**BÀI: VỘI VÀNG- XUÂN DIỆU**

**I. GIỚI THIỆU:**

- Xuân Diệu là nhà thơ lớn của nền văn học hiện đại Việt Nam; nhà thơ lớn của dân tộc. Thơ Xuân Diệu là khúc hát nồng nàn, tha thiết về tình đời, tình người được thể hiện qua những cách tân nghệ thuật nhiều mới lạ.

- Cuộc sống trong thơ Xuân Diệu thật phong phú tuyệt diệu “với nguồn cảm hứng mới: yêu đương và tuổi xuân, dù lúc vui hay lúc buồn, Xuân Diệu cũng ru thanh niên bằng giọng yêu đời thấm thía”. Và có lẽ bài “Vội Vàng” được trích trong tập “Thơ thơ” bộc lộ đầy đủ nhất nhận định trên về thơ Xuân Diệu.

**II. ĐỌC HIỂU:**

**1. Cái tôi trữ tình muốn đoạt quyền của tạo hóa:** “Tôi muốn tắt nắng đi

Cho màu đừng nhạt mất

Tôi muốn buộc gió lại

Cho hương đừng bay đi”.

- Điệp ngữ *“tôi muốn*” được nhắc lại hai lần cùng với đó là hai động từ mạnh *“tắt, buộc*” đã làm nổi bật khao khát của nhà thơ. Đó là khát vọng đoạt quyền của tạo hóa để buộc hương hoa tươi thắm mãi bên đời. Ngông cuồng hơn cả là nhà thơ muốn vũ trụ ngừng quay, thời gian dừng lại để thi nhân tận hưởng được những phút giây tuổi trẻ của đời mình.

- “*Tắt nắng*” để cho màu không nhạt phai, “buộc gió” để cho hương còn ở lại mãi với hoa; cũng có nghĩa thi sĩ muốn lưu giữ thời gian để cho tuổi trẻ mãi mãi còn xanh; mùa xuân mãi mãi bên ta. Đó là tiếng nói của cái tôi đầy kiêu hãnh với khát vọng mãnh liệt lạ lùng, cho thấy tầm vóc của con người muốn vươn lên để có thể ngang tầm với tạo hóa.

=> Ước muốn níu giữ thời gian, chặn vòng quay của vũ trụ, đảo ngược quy luật tự nhiên, phải chăng là ông đang muốn đoạt quyền tạo hóa. Nhưng trong cái phi lí đó, vẫn có sự đáng yêu của một tâm hồn lãng mạn yêu cuộc sống. Với ông, sống là cả một hạnh phúc lớn lao, kỳ diệu, sống là để tận hưởng và tận hiến.

**2. Thiên đường cuộc sống:**

**\*Bữa tiệc của trần gian:**

*“Của ong bướm này đây tuần tháng mật*

*Này đây hoa của đồng nội xanh rì*

*Này đây lá của cành tơ phơ phất*

*Của yến anh này đây khúc tình si*

*Và này đây ánh sáng chớp hàng mi*

*Mỗi buổi sớm, thần Vui hằng gõ cửa*

*Tháng giêng ngon như một cặp môi gần”*

 - Điệp ngữ: “*này đây*” được nhắc lại nhiều lần. Từ “*này đây*” là từ chỉ trỏ, có tác dụng liệt kê. Xuân Diệu như đang đứng trước bức tranh và liệt kê cho ta thấy vẻ đẹp tươi non, nõn nà của mùa xuân.

- Thi sĩ như muốn nhắn nhủ với chúng ta rằng: Sao người ta cứ phải đi tìm chốn Bồng Lai Tiên Cảnh ở mãi chốn mông lung hão huyền nào. Mà thiên đường ấy nó hiện diện ngay giữa cuộc sống quanh ta.

- Thiên nhiên như một bữa tiệc trần gian đầy những thực đơn quyến rũ: Ở đó có cảnh ong đưa và bướm lượn, tình tứ ngọt ngào như “*tuần tháng mật”*. Màu hoa trở nên thắm sắc ngát hương hơn “*giữa đồng nội xanh rì*”. Cây cối nảy lộc đâm chồi tạo nên những *“cành tơ*” với những chiếc lá tươi non phất phơ tình tứ. Điểm vào phong cảnh ấy là tiếng hót đắm say của loài chim yến anh đã tạo nên “*khúc tình si”* say đắm lòng người.  
- Ánh sáng buổi sớm mai như phát ra từ cặp mắt đẹp vô cùng của nàng công chúa có tên là Bình Minh. Nàng vừa tỉnh giấc nồng suốt một đêm qua, mắt chớp hàng mi rồi bừng nở ra muôn vàn hào quang. Chính ánh sáng ấy đã tưới lên cảnh vật càng làm cho bức tranh thiên nhiên giống như một nguồn nhựa sống chảy dào dạt xung quanh cuộc sống của con người.

- Thế mới hiểu những khao khát của Xuân Diệu là đúng:

“Không muốn đi mãi mãi ở vườn trần

 Chân hóa rễ để hút mùa dưới đất”

**\* Bức tranh mùa xuân đầy gợi cảm:**

 “Tháng giêng ngon như một cặp môi gần”.

- Đây là một cách so sánh đầy gợi cảm. Tháng giêng thanh tân, diễm lệ, đầy ánh sáng, màu sắc, âm thanh và hương thơm trờ thành “*cặp môi* *gần*” rất “*ngon, ngọt*” của người tình nhân. Mùa xuân là mùa đẹp nhất trong năm. Tuổi trẻ là tuổi đẹp nhất của đời người. Và chắc chắn đây là “mật ngọt” của tình yêu đôi lứa.

 - Quan niệm nghệ thuật về con người rất mới mẻ: Thơ ca cổ điển thường lấy thiên nhiên làm chuẩn mực cho cái đẹp. Mọi cái đẹp trong vũ trụ phải đem so sánh với cái đẹp của thiên nhiên. Bởi vậy khi miêu tả nét đẹp của Thúy Vân, Nguyễn Du đã lồng vào biết bao nhiêu cái đẹp của thiên nhiên:  
  “Hoa cười ngọc thốt đoan trang

Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da”.

- Còn Xuân Diệu đưa ra một tiêu chuẩn khác: con người mới là chuẩn mực của cái đẹp trong vũ trụ này. Bởi con người là tác phẩm kì diệu nhất của tạo hóa. Nên mọi vẻ đẹp trong vũ trụ phải đem so sánh với vẻ đẹp của con người. Quan niệm nghệ thuật này là một đóng góp mới mẻ của thi nhân.

**\* Tâm trạng của nhân vật trữ tình:**  
  “Tôi sung sướng. Nhưng vội vàng một nửa

Tôi không chờ nắng hạ mới hoài xuân”

- Trong một câu thơ mà thi sĩ có hai tâm trạng “Tôi sung sướng” -  “Nhưng vội vàng một nửa”. Dấu chấm ở giữa câu đã phân tách nhà thơ thành hai nửa: nửa sung sướng và nửa vội vàng. Tâm trạng “sung sướng” là tâm trạng: hạnh phúc, lạc quan, yêu đời, tươi vui đón nhận cuộc sống bằng tình cảm trìu mến, thiết tha gắn bó. Còn “vội vàng” là tâm trạng tiếc nuối bởi nhà thơ sợ tuổi trẻ qua đi, tuổi già mau tới.

- Vì thế dù đang sống trong mùa xuân nhưng thi nhân đã cảm thấy tiếc nuối mùa xuân ngay khi đang ở trong mùa xuân “*Tôi không chờ nắng hạ mới hoài xuân”.*=> Đoạn thơ trên là một bước tranh thiên nhiên mùa xuân được vẽ nên bằng một hồn thơ có “Cặp mắt xanh non biếc rờn”. Cảnh vật đang vào độ thanh tân, diễm lệ. Bức tranh hội tụ đầy đủ hương thơm, ánh sáng và màu sắc, âm thanh. Thể thơ tự do, sử dụng nhiều điệp ngữ, điệp từ, so sánh ẩn dụ… Ngôn ngữ thơ chọn lọc. Tất cả đã tạo nên một đoạn thơ hay mang đậm phong cách thơ Xuân Diệu.

**3. Nỗi thất vọng của tác giả trước qui luật của tạo hóa:**

“Xuân đương tới, nghĩa là xuân đương qua

Xuân còn non, nghĩa là xuân sẽ già”

- Mà đời thì hữu hạn, thậm chí rất ngắn ngủi trước thời gian vô cùng và vũ trụ vô biên:

“Nói làm chi rằng xuân vẫn tuần hoàn

Nếu tuổi trẻ chẳng hai lần thắm lại

Còn trời đất nhưng chẳng còn tôi mãi”.

- Cho nên Xuân Diệu quyết không để “chờ nắng hạ mới hoài xuân” vì vậy thi sĩ “bâng khuâng tiếc cả đất trời”. Để bênh vực thêm cho “luận thuyết” của mình , nhà thơ còn viện dẫn:

“Con gió xinh thì thào trong lá biếc

Phải chăng hờn vì nỗi phải bay đi

Chim rộn ràng bỗng đứt tiếng reo thi

Phải chẳng sợ độ phai tàn sắp sửa?”

- Gió đùa trong lá không phải là những âm thanh tươi vui của thiên nhiên, của mùa xuân, mà là lời “*thì thào*” về nỗi hờn giận, buồn thương. Gió phải chia tay với cây lá mà bay đi; chim chóc trên cây đang ca hát rộn ràng chào xuân bỗng ngừng bặt, chẳng phải có sự đe dọa nguy hiểm nào, mà chỉ vì chúng buồn tiếc cho mùa xuân sắp trôi qua. Thế là chẳng riêng gì Xuân Diệu mà cả vạn vật trong thiên nhiên cũng thức nhận về cái quy luật nghiệt ngã, cái một đi không bao giờ trở lại của thời gian:

“Mùi tháng năm đều rớm vị chia phôi

Khắp sông núi vẫn than thầm tiễn biệt”.

- Vậy Xuân Diệu đưa ra một quyết định hợp lí cho mình và muốn cho tất cả mọi người “Không chờ nắng hạ mới hoài xuân”.

=> Không thụ động chấp nhận cái phai tàn của sự sống mùa xuân, Xuân Diệu chọn một giải pháp độc đáo đón xuân, hưởng hạnh phúc mùa xuân thật khẩn trương, gấp gáp, vội vàng.

**4. Khát vọng sống:**

“Ta muốn ôm

Cả sự sống mới bắt đầu mơn mởn;

Ta muốn riết mây đưa và gió lượn;

Ta muốn say cánh bướm với tình yêu

Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều

Và non nước, và cây, và cỏ rạng

Cho chuếnh choáng mùi thơm, cho đã đầy ánh sáng

Cho no nê thanh sắc của thời tươi

- Hỡi xuân hồng! Ta muốn cắn vào ngươi”.

- *“Ta”* là tiếng nói của cái tôi đầy kiêu hãnh, tự chủ. Một câu thơ chỉ có ba chữ “Ta muốn ôm” với giọng thơ rắn chắc thể hiện một ý chí dứt khoát.

- *“Ôm”* là mở rộng vòng tay để đón nhận. Nhưng xem chừng còn lỏng lẻo quá. Tất cả vẻ đẹp của đời rồi sẽ trôi đi, cho dù con người có dang tay mà ôm chặt lấy.

- Vì thế, *“riết”* cho thêm chặt. *“Riết”* dù chặt đến mấy, vẫn chỉ là bên ngoài, nên phải chuyển hóa vào bên trong, phải say trong tâm hồn: “*Ta muốn say cánh bướm với tình yêu”,*

- *“Say”* đến thế nào đi chăng nữa thì đối tượng mà ta say vẫn chỉ là một khách thể, nên càng đòi hỏi cao hơn, tức là phải thu hút, phải thẩm thấu bên trong tâm hồn,

- Phải *“thâu”* tóm đối tượng về phía mình*: “Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều”,*

- *“Hôn nhiều”* chẳng qua chỉ là một phương tiện, một cách nói về sự thu hút cho đến tận cùng, cho hết mọi vẻ đẹp *“mây đưa và gió lượn, cánh bướm với tình yêu”,* non nước, trời mây,… chẳng qua chỉ là những hình ảnh mang tính biểu trưng cho những vẻ đẹp của sự sống mơn mởn giữa cuộc đời.

- Xuân Diệu thể hiện một thái độ tận hưởng đến mức cuồng nhiệt, đến mức tối đa: *“Cho chuếnh choáng mùi thơm, cho đã đầy ánh sáng – Cho no nê thanh sắc của thời tươi;”. “Chuếnh choáng”, “no nê”, “đã đầy”* là những tính từ chỉ mức độ hưởng thụ đã được bão hòa. Những vật trừu tượng giờ đây cũng hóa thành vật chất cụ thể đến mức có thể *“đã đầy”, “no nê”.* Với Xuân Diệu, tất cả mọi vẻ đẹp đều chỉ gắn với “*thời tươi”*, tức là thời của tuổi xanh đương độ, mơn mởn non tơ, tràn đầy sức sống.

- Đòi hỏi quyết liệt hơn: “*Hỡi xuân hồng ta muốn cắn vào ngươi”. “Xuân hồng”* là một hình ảnh đa nghĩa nói về mùa xuân đương độ của đất trời với hoa lá non tơ, cũng là tuổi xuân đương độ của mỗi con người, đồng thời có thể là một hình ảnh cụ thể, một dáng xuân tươi trẻ nào đó.

+ *“Cắn”* tưởng như thô thiển nhưng đầy chất thơ. *“Cắn”* chẳng qua là sự hưởng thụ cả vật chất lẫn tinh thần – sự hưởng thụ trọn vẹn và sâu sắc. Với tuổi trẻ đừng chỉ soi ngắm mình trong gương mà phải biến tất cả những vẻ đẹp trên đời thành vật chất để hưởng thụ.

+ *“Cắn vào ngươi*” đặt trong hệ thống của mạch thơ toàn bài, của hành động liên tiếp, của nhân vật trữ tình còn là biểu hiện của tâm trạng hoảng hốt trước vẻ đẹp đang trôi đi. Vì thế, phải “*cắn”* để mà giữ lấy. Trong tình yêu lứa đôi, người ta thường đi tìm sự hòa đồng đến tuyệt đích, đến vô biên giữa hai cá thể. Cho nên *“cắn vào ngươi*” là đòi hỏi được hóa thân trong tình yêu. Đây là một cách dùng từ hết sức táo bạo và đầy sáng tạo của Xuân Diệu. Phải dùng từ như thế mới nói hết được khát vọng sống mạnh mẽ đến cuồng nhiệt của con người.

=> Lòng yêu đời, yêu cuộc sống và một quan niệm sống mới mẻ, Xuân Diệu đã chọn được những hình thức mới lạ cho thơ. Thể thơ tự do bốn chữ, tám chữ có khi một câu ba chữ thích hợp với mạch cảm xúc . Giọng thơ nhiệt thành hào hứng càng nổi bật lòng ham sống của thi nhân.

**III. TỔNG KẾT:**

 Với bài thơ "Vội vàng", Xuân Diệu đã phả vào nền thi ca Việt Nam một trào lưu "Thơ mới". Mới lạ nhưng táo bạo, độc dáo ở giọng điệu và cách dùng từ, ngắt nhịp, nhất là cách cảm nhận cuọc sống bằng tất cả các giác quan, với một trái tim chan chứa tình yêu. "Vội vàng" đã thể hiện một cảm quan nghệ thuật rất đẹp, mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc. Đó là lòng yêu con người, yêu cuộc đời. Đó là tình yêu cảnh vật, yêu mùa xuân và tuổi trẻ... Và là ham muốn mãnh liệt muốn nĩu giữ thời gian, muốn tận hưởng vị ngọt ngào của cảnh sắc đất trời.

**BÀI: TRÀNG GIANG – HUY CẬN**

**I. GIỚI THIỆU:**

- Huy Cận có giọng thơ rất riêng đã khẳng định tên tuổi của mình trong phong trào thơ mới. Ông vốn quê quán Hà Tĩnh. Trước Cách mạng tháng tám, thơ ông mang nổi sầu về kiếp người và ca ngợi cảnh đẹp của thiên nhiên, tạo vật.

- Vẻ đẹp thiên nhiên nỗi ưu sầu nhân thế, một nét thơ tiêu biểu của Huy Cận, được thể hiện khá rõ nét qua bài thơ “Tràng Giang”. Đây là một bài thơ hay, tiêu biểu và nổi tiếng nhất của Huy Cận trước Cách mạng tháng tám.

- Bài thơ được trích từ tập “Lửa thiêng”, được sáng tác khi Huy Cận đứng ở bờ Nam bến Chèm sông Hồng, nhìn cảnh mênh mông sóng nước, lòng vời vợi buồn, cám cảnh cho kiếp người nhỏ bé, nổi trôi giữa dòng đời vô định. Mang nỗi u buồn hoài như thế nên bài thơ vừa có nét đẹp cổ điển lại vừa đượm nét hiện đại, đem đến sự thích thú, yêu mến cho người đọc.

**II. ĐỌC HIỂU:**

**1. Tựa đề “Tràng Giang” và câu thơ đề từ:**

**\* Tựa đề “Tràng Giang”:**

- “*Tràng giang*” là một cách nói chệch đầy sáng tạo của Huy Cận. Hai âm "*ang*" đi liền nhau đã gợi lên trong người đọc cảm giác về con sông, không chỉ dài vô cùng mà còn rộng mênh mông, bát ngát.

- Hai chữ “*tràng giang*” mang sắc thái cổ điển trang nhã, gợi liên tưởng về dòng Trường giang trong thơ Đường thi, một dòng sông của muôn thuở vĩnh hằng, dòng sông của tâm tưởng.

=>Ngay từ thi đề, nhà thơ đã khéo gợi lên vẻ đẹp cổ điển lại hiện đại cho bài thơ.  
**\* Câu thơ đề từ:**

“Bâng khuâng trời rộng nhớ sống dài”

- Từ láy “*bâng khuâng*” được sử dụng rất đắc địa, nó nói lên được tâm trạng của chủ thể trữ tình, buồn bã, u sầu, cô đơn, lạc lõng.

- Trước cảnh “*trời rộng”, “sông dài*” bát ngát, mênh mông của thiên nhiên, lòng con người dấy lên tình cảm “*bâng khuâng*” - “*nhớ*”. Và con “*sông dài*”, nghe miên man tít tắp ấy cứ vỗ sóng đều đặn khắp các khổ thơ.  
=> Câu đề từ giản dị, ngắn gọn với chỉ bảy chữ nhưng đã thâu tóm được toàn bộ cảnh và tình của cả bài thơ. Huy cận lại tìm về thiên nhiên để thể hiện nổi ưu tư, buồn bã về kiếp người cô đơn, nhỏ bé trước vũ trụ bao la.  
 **2. Khổ 1:**

“Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp,

Con thuyền xuôi mái nước song song.

- Vẻ đẹp cổ điển của bài thơ được thể hiện khá rõ ngay từ bốn câu đầu tiên. Hai từ láy nguyên *“điệp điệp”, “song song*” ở cuối hai câu thơ mang đậm sắc thái cổ kính của Đường thi. Đồng thời gợi liên tưởng về những con sóng cứ lan xa, gối lên nhau, dòng nước thì cứ cuốn đi xa tận nơi nào, miên man.

- Trên dòng sông có hình ảnh của một “*con thuyền xuôi mái*”, lững lờ trôi đi. Trong cảnh có sự chuyển động , nhưng chỉ thấy vẻ lặng tờ, mênh mông của thiên nhiên, một dòng “*tràng giang*” dài và rộng bao la không biết đến nhường nào. Dòng sông thì bát ngát vô cùng, vô tận, nỗi buồn của con người cũng đầy ăm ắp trong lòng.  
 “ Thuyền về nước lại sầu trăm ngả

Củi một cành khô lạc mấy dòng”.  
 - Thuyền và nước vốn đi liền nhau, thuyền trôi đi nhờ nước xô, nước vỗ vào thuyền. Thế mà Huy Cận lại thấy thuyền và nước đang chia lìa, xa cách “*thuyền về nước lại”*. Vì thế mà gợi nên trong lòng người nỗi “*sầu trăm ngả*”. Từ chỉ số nhiều “*tram”* hô ứng cùng từ chỉ số “*mấy”* đã thổi vào câu thơ nỗi buồn vô hạn.

- Cành “*củi*” khô đó trôi dạc đi nơi nào, hình ảnh giản dị, mang đậm màu sắc dân gian, khiến lòng người đọc cảm thấy trống vắng, đơn côi. Huy Cận đã khéo dùng phép đảo ngữ kết hợp với các từ ngữ chọn lọc, thể hiện nổi cô đơn, lạc lõng trước vũ trụ bao la. “*Một*” gợi lên sự ít ỏi, nhỏ bé, “*cành khô*” gợi sự khô héo, cạn kiệt nhựa sống, “*lạc*” mang nỗi sầu vô định, trôi nổi, bập bềnh trên “*mấy dòng*” nước thiên nhiên rộng lớn mênh mông.

=> Nét đẹp cổ điển “tả cảnh ngụ tình” thật khéo léo, tài hoa của tác giả, đã gợi mở về một nỗi buồn, u sầu như con sóng sẽ còn vỗ mãi ở các khổ thơ còn lại để người đọc có thể cảm thông, thấu hiểu về một nét tâm trạng thường gặp ở các nhà thơ mới.

**3. Khổ 2:**

“Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu

Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều”.  
 -Hai từ láy “*lơ thơ”* và “*đìu hiu*” được tác giả khéo sắp xếp trên cùng một dòng thơ đã vẽ nên một quang cảnh vắng lặng. “*Lơ thơ*” gợi sự ít ỏi, bé nhỏ “*đìu hiu*” lại gợi sự quạnh quẽ. Giữa khung cảnh “*cồn nhỏ*”, gió thì “*đìu hiu*”, một khung cảnh lạnh lẽo, tiêu điều ấy, con người trở nên đơn côi, rợn ngộp.

- Đâu đó có những âm thanh xa xôi, không rõ rệt, có thể là câu hỏi “*đâu*” như một nỗi niềm khao khát, mong mỏi của nhà thơ về một chút sự hoạt động, âm thanh sự sống của con người. Đó cũng có thể là “đâu có”, một sự phủ định hoàn toàn, chung quanh đây chẳng hề có chút gì sống động để xua bớt cái tịch liêu của thiên nhiên.

 “Nắng xuống, trời lên sâu chót vót,

Sông dài, trời rộng, bến cô liêu”.   
 - “*Nắng xuống, trời lên*” gợi sự chuyển động, mở rộng về không gian, và gợi cả sự chia lìa: bởi nắng và trời mà lại tách bạch khỏi nhau. Hai hình ảnh ấy cũng được đặt trong những chuyển động trái chiều “*lên*” và “*xuống*”, trong cảm giác về một sự chia rẽ. Nắng xuống và trời lên, để lại một khoảng trống thăm thẳm mở ra, làm nên cảm giác mà Huy Cận đã diễn tả bằng một sự kết hợp từ độc đáo - “*Sâu chót* *vót ”*: cụm từ này tạo cảm giác thăm thẳm về bầu trời và mặt nước. Không chỉ thế, phải có chữ “*sâu*” để không gian được nhuộm trong gam màu, gam cảm xúc buồn, trầm lắng.

- Đôi mắt nhà thơ không chỉ dừng ở bên ngoài của trời, của nắng, mà như xuyên thấu và cả vũ trụ, cả không gian bao la, vô tận. Cõi thiên nhiên ấy quả là mênh mông với “*sông dài, trời rộng*”, còn những gì thuộc về con người thì lại bé nhỏ, cô đơn biết bao: “*bến cô lieu*”, một lần nữa lại gợi ra một nỗi buồn nhân thế, nỗi buồn về sự sống quá nhỏ nhoi, rất hữu hạn trong thiên nhiên, mà vụ trụ thì cứ mở ra mãi đến vô tận, vô cùng.  
 => Vẻ đẹp cổ điển của khổ thơ hiện ra qua các thi liệu quen thuộc trong Đường thi như: sông, trời, nắng, cuộc sống con người thì buồn tẻ, chán chường với “*vãn chợ chiều*”, mọi thứ đã tan rã, chia lìa.  
**4. Khổ 3:**

“Bèo dạt về đâu, hàng nối hàng,

Mênh mông không một chuyến đò ngang.

Không cần gợi chút niềm thân mật,

Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng”.

- Hình ảnh cánh bèo trôi bồng bềnh trên sông là hình ảnh thường dùng trong thơ cổ điển, nó gợi lên một cái gì bấp bênh, nổi trôi của kiếp người vô định giữa dòng đời. Nhưng trong thơ Huy Cận không chỉ có một hay hai cánh bèo, mà là “hàng nối hang”. Bèo trôi hàng hàng càng khiến lòng người rợn ngộp trước thiên nhiên, để từ đó cõi lòng càng đau đớn, cô đơn.

 - Tác giả đưa ra cấu trúc phủ định. *“...không...không”* để phủ định hoàn toàn những kết nối của con người. Trước mắt nhà thơ giờ đây không có chút gì gợi niềm thân mật để kéo mình ra khỏi nỗi cô đơn đang bao trùm, vây kín, chỉ có một thiên nhiên mênh mông. Cầu hay chuyến đò ngang, phương tiện giao kết của con người, dường như đã bị cõi thiên nhiên nhấn chìm, trôi đi nơi nào.

- “Bờ xanh tiếp bãi vàng” như mở ra một không gian bao la vô cùng, vô tận, thiên nhiên nối tiếp thiên nhiên, dường không có con người, không có chút sinh hoạt của con người, không có sự giao hoà, nối kết.  
 => Cảm giác về “*không*” gặp lại ở “*lặng lẽ*”, không hình, không tiếng. Đoạn thơ gợi cho người đọc cảm nhận về dòng chảy qua hết bờ xanh lại đến bãi vàng, nhưng tuyệt đối âm thầm, lặng lẽ.

**5. Khổ 4:**

“Lớp lớp mây cao đùn núi bạc,

Chim nghiêng cánh nhỏ bóng chiều sa”.

- Bút pháp chấm phá với “*mây cao đùn núi bạc*” thành “*lớp lớp*” đã khiến người đọc tưởng tượng ra những núi mây trắng được ánh nắng chiếu vào như dát bạc. Hình ảnh mang nét đẹp cổ điển thật trữ tình và lại càng thi vị hơn khi nó được khơi nguồn cảm hứng từ một tứ thơ Đường cổ của Đỗ Phủ:  
  “Mặt đất mây đùn cửa ải xa”

- Huy Cận đã vận dụng rất tài tình động từ “*đùn*”, khiến mây như chuyển động, có nội lực từ bên trong, từng lớp từng lớp mây cứ đùn ra mãi. Đây cũng là một nét thơ đầy chất hiện đại, bởi nó đã vận dụng sáng tạo từ thơ cổ điển quen thuộc.

- Nét hiện đại càng bộc lộ rõ hơn qua dấu hai chấm trong câu thơ sau. Dấu hai chấm này gợi mối quan hệ giữa cánh chim và bóng chiều: Chim nghiêng cánh nhỏ kéo bóng chiều, cùng sa xuống mặt tràng giang, hay chính bóng chiều sa, đè nặng lên cánh chim nhỏ làm nghiêng lệch cả đôi cánh nhỏ bé ấy. Câu thơ tả không gian nhưng gợi được thời gian bởi nó sử dụng “*cánh chim*” và “*bóng chiều*”, vốn là những hình tượng thẩm mỹ để tả hoàng hôn trong thơ ca cổ điển. Nhưng giữa khung cảnh cổ điển đó, người đọc lại bắt gặp nét tâm trạng hiện đại:  
  “Lòng quê dợn dợn vời con nước,

Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà”.  
 - “*Dợn dợn*” là một từ láy nguyên sáng tạo của Huy Cận, chưa từng thấy trước đó. Từ láy này hô ứng cùng cụm từ “*vời con nước*” cho thấy một nổi niềm bâng khuâng, cô đơn của “*lòng quê*”. Nỗi niềm đó là nỗi niềm nhớ quê hương khi đang đứng giữa quê hương, nhưng quê hương đã không còn. Đây là nét tâm trạng chung của nhà thơ mới lúc bây giờ, một nỗi lòng đau xót trước cảnh mất nước.  
 - Bên cạnh tâm trạng hiện đại ấy là từ thơ cổ điển được gợi từ câu thơ:

“Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai”

(Thôi Hiệu)

- Xưa Thôi Hiệu vịn vào sóng để mà buồn, mà nhớ, còn Huy Cận thì buồn mà không cần ngoại cảnh, bởi từ nỗi buồn nó đã sâu sắc lắm rồi. Thế mới biết tấm lòng yêu quê hương thắm thiết đến nhường nào của nhà thơ hôm nay.  
 => Nỗi buồn đầy đủ và trọn vẹn được mở ra trên ba chiều không gian và cả chiều thời gian, khiến cho “Tràng giang” càng thêm đậm đà phong vị Đường thi, hương vị thơ cổ điển ở ngay khổ cuối của bài.

**III. TỔNG KẾT:**

Cả bài thơ vừa mang nét đẹp cổ điển, vừa mang nét hiện đại. Vẻ đẹp cổ điển được thể hiện qua lối thơ bảy chữ mang đậm phong vị Đường thi, qua cách dùng từ láy nguyên, qua việc sử dụng các thi liệu cổ điển quen thuộc như: mây, sông, cánh chim... Và trên hết là cách vận dụng các tứ thơ cổ điển, gợi cho bài thơ không khí cổ kính, trầm mặc của thơ Đường.  
  Vẻ đẹp hiện đại lan toả qua các câu chữ sáng tạo, độc đáo của nhà thơ như “*sâu chót vót”*. Nhưng vẻ đẹp ấy đọng lại cuối cùng là tâm trạng nhớ quê hương ngay khi đứng giữa quê hương, nét tâm trạng hiện đại của các nhà tri thức muốn đóng góp sức mình cho đất nước mà đành bất lực, không làm gì được.

**C. ĐỀ THỰC HÀNH:**

**ĐỀ 1:**

**I. ĐỌC – HIỂU (3.0 ĐIỂM):**

**Đọc đoạn văn sau và trả lời những câu hỏi:**

Cô bé nhà bên - (có ai ngờ!)  
Cũng vào du kích  
Hôm gặp tôi vẫn cười khúc khích  
Mắt đen tròn (thương thương quá đi thôi!)  
Giữa cuộc hành quân không nói được một lời  
Đơn vị đi qua, tôi ngoái đầu nhìn lại…  
Mưa đầy trời nhưng lòng tôi ấm mãi…”

(Trích “Quê hương” - Giang Nam)

**Câu 1** (1.0 điểm): Nêu chủ đề - ý nghĩa của đoạn thơ trên.

**Câu 2** (1.0 điểm): Xác định biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong đoạn trích và nêu tác dụng.

**Câu 3** (1.0 điểm): Qua đoạn thơ, anh/chị rút ra bài học gì về tinh thần chiến đấu chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta?

**II. LÀM VĂN (7.0 ĐIỂM):**

**Câu 1** (2.0 điểm): “Hãy yêu thương và chia sẻ, bạn sẽ nhận về niềm vui và hạnh phúc” trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến trên.

**Câu 2** (5.0 điểm): **HS viết bài nghị luận văn học** **(giới hạn trong nội dung ôn tập kiểm tra giữa học kì II).**

**ĐỀ 2:**

**I. ĐỌC – HIỂU (3.0 ĐIỂM):**

Đọc đoạn văn sau và trả lời những câu hỏi:

**Chiếm hết chỗ**

Một người ăn mày hom hem, rách rưới, đến cửa nhà giàu xin ăn. Người nhà giàu không cho lại còn mắng:

- Bước ngay! Rõ trông như người ở dưới địa ngục mới lên ấy!

Người ăn mày nghe nói, vội trả lời:

Phải, tôi ở dưới địa ngục mới lên đấy.

Người nhà giàu nói:

- Đã xuống địa ngục sao không ở hẳn dưới ấy, còn lên đây làm gì cho bẩn mắt?

Người ăn mày đáp:

- Thế không ở được nên mới phải lên. Ở dưới ấy các nhà giàu chiếm hết cả chỗ rồi!

(Theo Trương Chính - Phong Châu, Tiếng cười dân gian Việt Nam)

**Câu 1** (1.0 điểm): Xác định phong cách ngôn ngữ và phương thức biểu đạt chính của câu chuyện?

**Câu 2** (1.0 điểm): Người nhà giàu có thái độ gì với người ăn xin?

**Câu 3** (1.0 điểm): Bài học được rút qua câu chuyện là gì?

**II. LÀM VĂN (7. 0 ĐIỂM):**

**Câu 1** (2.0 điểm): Viết đoạn văn (200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về vai trò của sự trải nghiệm đối với tuổi trẻ.

**Câu 2** (5.0 điểm): **HS viết bài nghị luận văn học (giới hạn trong nội dung ôn tập kiểm tra giữa học kì II).**

**ĐỀ 3:**

**I. ĐỌC – HIỂU (3.0 ĐIỂM):**

**Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:**

*Tuổi trẻ không là khái niệm chỉ một giai đoạn trong đời người, mà chỉ một trạng thái tâm hồn. Tuổi trẻ không nhất thiết phải gắn liền với sức khỏe và vẻ tráng kiện bên ngoài, mà lại gắn với ý chí mạnh mẽ, trí tưởng tượng phong phú, sự mãnh liệt của tình cảm và cảm nhận phấn khởi với suối nguồn cuộc sống.*

*Tuổi trẻ thể hiện ở lòng can đảm chứ không phải tính nhút nhát, ở sở thích phiêu lưu trải nghiệm hơn là ở sự tìm kiếm an nhàn. Những đức tính đó thường dễ thấy ở những người năm sáu mươi tuổi hơn là ở đa số thanh niên tuổi đôi mươi. Không ai già đi vì tuổi tác, chúng ta chỉ già đi khi để tâm hồn mình héo hon.*

*Thời gian hình thành tuổi tác, thái độ tạo nên tâm hồn. Năm tháng in hằn những vết nhăn trên da thịt, còn sự thờ ơ với cuộc sống tạo những vết nhăn trong tâm hồn. Lo lắng, sợ hãi, mất lòng tin vào bản thân là những thói xấu hủy hoại tinh thần của chúng ta.*  (Trích Điều kỳ diệu của thái độ sống– Mac Anderson, tr.68,  
NXB Tổng hợp Tp.Hồ Chí Minh, 2017)

**Câu 1.** (1.0 đ): Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp liệt kê được sử dụng trong đoạn trích.

**Câu 2.**(1.0 đ): Trong vế câu “Sự thờ ơ với cuộc sống sẽ tạo nên những vết nhăn trong tâm hồn”, từ nào được dùng theo nghĩa chuyển? Nêu cách hiểu ngắn gọn của anh/chị về nghĩa của từ đó.

**Câu 3.** Văn bản gửi đến anh/chị thông điệp gì?

**PHẦN II: LÀM VĂN (7.0 ĐIỂM)**

**Câu 1.** **(2.0 điểm)**

Viết đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về nội dung: “Sống để tuổi thanh xuân có ý nghĩa”?

**Câu 2.** **(5.0 điểm) HS viết bài nghị luận văn học (giới hạn trong nội dung ôn tập kiểm tra giữa học kì II).**

**ĐỀ 4:**

**I. ĐỌC - HIỂU (3. 0 ĐIỂM)**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu ở dưới:**

*“....Anh ra khơi*

*Mây treo ngang trời những cánh buồm trắng*

*Phút chia tay anh dạo trên bến cảng*

*Biển một bên và em một bên...*

*Biển ồn ào em lại dịu êm*

*Em vừa nói câu chi rồi mỉm cười lặng lẽ*

*Anh như con tàu, lắng sóng từ hai phía*

*Biển một bên và em một bên...*

*Ngày mai, ngày mai khi thành phố lên đèn*

*Tàu anh buông neo giữa chùm sao xa lắc*

*Thăm thẳm nước trời nhưng anh không cô độc*

*Biển một bên và em một bên...*

*Đất nước gian lao chưa bao giờ bình yên*

*Bão táp chưa ngưng trong những vành tang trắng*

*Anh đứng gác. Trời khuya. Đảo vắng*

*Biển một bên và em một bên...”*

(Trích Thơ tình người lính biển - Trần Đăng Khoa, 1982)

**Câu 1:**(1.0 điểm) Xác định phong cách ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản trên?

**Câu 2:**(1.0 điểm) Xác định và phân tích 01 biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ sau?

                                “Anh như con tàu lắng sóng từ hai phía

                                Biển một bên và em một bên...”

**Câu 3:**(1.0 điểm) Nêu nội dung chính của văn bản?

**II. LÀM VĂN (7.0 ĐIỂM)**

**Câu 1:**(2.0 điểm)

      Từ nội dung văn bản phần đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của biển đảo quê hương và trách nhiệm của mỗi người đối với chủ quyền biển đảo?

**Câu 2:**(5.0 điểm) **HS viết bài nghị luận văn học (giới hạn trong nội dung ôn tập kiểm tra giữa học kì II).**

**ĐỀ 5:**

**I. ĐỌC HIỂU (3.0 ĐIỂM)**

**Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu:**

*Ăn tết rừng xong  
từ giã chú tắc kè  
chúng tôi xuôi - ào ào cơn lũ đổ  
các binh đoàn tràn vào thành phố  
đang mùa thay lá những hàng me*

*Lá me vàng lăn tăn trải thảm phố hè  
             chồi xanh lăn tăn nơi đầu cành run rẩy  
             cơn gió thoảng chút hương rừng đâu đấy  
             hạt mưa đầu mùa trong suốt giữa lòng tay*

*Người bạn tôi không về tới nơi này  
anh gục ngã bên kia cầu xa lộ  
anh nằm lại trước cửa vào thành phố  
giây phút cuối cùng chấm dứt cuộc chiến tranh  
              Đồng đội, bao người không “về tới” như anh  
              nằm lại Cầu Bông, Đồng Dù, và xa nữa...  
              tất cả họ, suốt một thời máu lửa  
              đều ước ao thật giản dị:  
              sắp về!*

(Trích Tiếng tắc kè kêu trong thành phố***,*** Nguyễn Duy)

**Câu 1:**(1.0 điểm) Thành phố trong ngày người lính trở về được miêu tả qua những hình ảnh nào?

**Câu 2:**(1.0 điểm) Anh/chị có suy nghĩ gì về hình ảnh người lính trong những câu thơ:

“Anh gục ngã bên kìa cầu xa lộ

Anh nằm lại trước cửa vào thành phố

Giây phút cuối cùng chấm dứt cuộc chiến tranh”?

**Câu 3:**(1.0 điểm) Điều ước cuối cùng trong bài thơ gợi lên mong mỏi gì của người lính nói riêng và toàn dân tộc nói chung?

**II. LÀM VĂN (7.0 ĐIỂM)**

**Câu 1:**(2.0 điểm) Viết đoạn văn (200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về truyền thống “uống nước nhớ nguồn” của dân tộc Việt Nam trong thời chiến lẫn thời bình.

**Câu 2:**(5.0 điểm) **HS viết bài nghị luận văn học (giới hạn trong nội dung ôn tập kiểm tra giữa học kì II).**

**HẾT**